ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32 /2018/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính

phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chương III Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định một số vấn đề về mua sắm, quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hết hiệu lực thi hành. Bãi bỏ Công văn số 6162/UBND-QLĐTư ngày 14 tháng 8 năm 2012 của Chủ tịch UBND thành phố về việc liên quan đến thực hiện các công trình thuộc nguồn vốn sự nghiệp giao thông.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Thơ

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Kiểm toán NN KV3;
- UBMTTQ TP;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- TT THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử TPĐN;
- Văn phòng UBND thành phố:
  CVP và các PCVP,
  Phòng NCPC, KT;
- Lưu: VT, QLĐTư.
  75

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về
quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về việc thực hiện các hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; đấu thầu dự án đầu tư công và phân cấp, uỷ quyền một số thẩm quyền của UBND thành phố Đà Nẵng.

Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và theo quy định của Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; đấu thầu dự án đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Quy định này.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, đấu thầu dự án đầu tư công thuộc thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Vốn đầu tư công

Vốn đầu tư công hiểu theo Quy định này gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư, vốn từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để đầu tư sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 4. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

1. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định, các văn bản, quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công, về ODA, vốn vay ưu đãi và PPP.

2. Tất cả các dự án sử dụng vốn quy định tại điều 3 Quy định này (trừ các dự án chỉ sử dụng vốn từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để đầu tư sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng) đều phải lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (đối với các dự án nhóm A), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đối với các dự án nhóm B và nhóm C).

3. Đối với trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, Chủ tịch UBND thành phố có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định do một Lãnh đạo UBND thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

4. Đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn gồm vốn thuộc quản lý của thành phố và vốn thuộc quản lý của quận, huyện: HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C, UBND thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C còn lại; quy trình lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án này thực hiện như dự án sử dụng nguồn vốn thuộc quản lý của thành phố.

5. Đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị, cơ sở hoạt động sự nghiệp phải có ý kiến của Sở Tài chính về tiêu chuẩn, định mức (theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 12, Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

6. Đối với dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên thì không phải thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

1. Trình tự, nội dung hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công và quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công, trường hợp thật cần thiết phải điều chỉnh tăng quy mô, làm tăng tổng mức đầu tư của dự án so với quy định tại quyết định chủ trương đầu tư thì chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền để thẩm định lại chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn điều chỉnh; trên cơ sở kết quả thẩm định chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ có tờ trình đề nghị cơ quan quyết định chủ trương đầu tư quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Nếu điều chỉnh tăng quy mô, nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư và vẫn bảo đảm mục tiêu của dự án như trong quyết định chủ trương đầu tư thì

không phải thẩm định lại chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án nhóm A có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư.

2. Chủ tịch UBND thành phố thành lập Hội đồng thẩm định do một Lãnh đạo UBND thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố (Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) theo quy định tại Khoản 8 Điều này chủ trì tổ chức thẩm định dự án có cấu phần xây dựng từ nhóm B trở xuống.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định tất cả các dự án không có cấu phần xây dựng từ nhóm B trở xuống.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND quận, huyện (Phòng có chức năng quản lý xây dựng) chủ trì tổ chức thẩm định các dự án có cấu phần xây dựng có yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) do UBND quận, huyện quản lý; được UBND thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

6. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc UBND quận, huyện (Phòng có chức năng quản lý đầu tư công) chủ trì tổ chức thẩm định các dự án không có cấu phần xây dựng có yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) do UBND quận, huyện quản lý; được UBND thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

7. Việc thẩm định thiết kế cơ sở được thực hiện cùng lúc với việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, không tổ chức thẩm định riêng.

8. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố có trách nhiệm là đầu mối chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án do thành phố quản lý như sau:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị) và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

b) Sở Giao thông vận tải chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định quy

định tại Điểm a Khoản này) và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các công trình thuỷ lợi; công trình đê điều; công trình chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thuỷ sản, các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn khác và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

d) Sở Công Thương chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng (trừ hạng mục điện chiếu sáng thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại Điểm a Khoản này), các công trình công nghiệp chuyên ngành; chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Hội đồng bồi thường thẩm định tháo dỡ, di dời, lắp đặt hệ thống thiết bị điện, các dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông; chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Hội đồng bồi thường thẩm định, tháo dỡ, di dời, lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về báo cáo đánh giá tác động môi trường trong dự án đầu tư; dự toán lập hồ sơ môi trường, kinh phí thực hiện công tác quan trắc và giám sát môi trường định kỳ; phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án; hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

g) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các dự án PPP, các dự án không có cấu phần xây dựng; tham gia ý kiến về phương án huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

h) Công an thành phố tham gia ý kiến thiết kế cơ sở về phòng cháy chữa cháy và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

i) Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư được yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực phù hợp đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Trường hợp tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra chưa đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử

của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng thì phải được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chấp thuận bằng văn bản. Tổ chức tư vấn lập dự án không được thẩm tra dự án do mình lập.

9. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính có cấp cao nhất của dự án.

10. Trường hợp dự án do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định dự án nêu tại Khoản 8 Điều này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trực tiếp trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt; chủ đầu tư dự án, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm phối hợp thực hiện với cơ quan chủ trì thẩm định dự án. Ngoài trường hợp nêu trên, chủ đầu tư căn cứ kết quả thẩm định của các cơ quan chủ trì thẩm định, hoàn chỉnh dự án gửi cơ quan được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

11. Đối với dự án do quận, huyện quản lý và được UBND thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện hoàn chỉnh dự án và trình trực tiếp UBND quận, huyện quyết định đầu tư.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách thành phố có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên; dự án sử dụng nhiều nguồn vốn thuộc các cấp quản lý khác nhau trong đó nguồn vốn ngân sách thành phố chiếm từ 05 tỷ đồng trở lên.

2. Chủ tịch UBND thành phố phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư như sau:

a) Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng đối với dự án do mình hoặc đơn vị trực thuộc quản lý. Trường hợp dự án đầu tư có các hạng mục thuộc chuyên ngành khác nhau, cơ quan được UBND thành phố phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của các Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Khoản 8 Điều 6 Quy định này trước khi quyết định.

b) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án còn lại có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng không thuộc Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định đầu tư:

- Các dự án do UBND quận, huyện quản lý sử dụng vốn ngân sách thành phố phân cấp cho quận, huyện, vốn cân đối ngân sách quận, huyện và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách quận, huyện.

- Các dự án do UBND quận, huyện quản lý sử dụng nhiều nguồn vốn trong đó vốn ngân sách thành phố dưới 05 tỷ đồng.

- Các dự án do UBND quận, huyện quản lý có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng sử dụng vốn ngân sách thành phố.

Điều 8. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, trường hợp phát sinh các yếu tố dẫn đến việc điều chỉnh dự án, chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án tổng hợp hồ sơ, báo cáo cơ quan đã chủ trì thẩm định dự án kiểm tra, kiến nghị xử lý, gửi người quyết định đầu tư có ý kiến thống nhất, làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo, cụ thể:

- Trường hợp điều chỉnh dự án không tăng tổng mức đầu tư dự án hoặc tăng tổng mức đầu tư nhưng không vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã phê duyệt: Trên cơ sở ý kiến đồng ý của cấp quyết định đầu tư dự án, chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án gửi hồ sơ điều chỉnh dự án cho cơ quan chủ trì thẩm định để thẩm định và trực tiếp trình cấp quyết định đầu tư dự án phê duyệt điều chỉnh dự án. Trường hợp dự án được phân cấp quyết định đầu tư theo Khoản 2 Điều 7 Quy định này, chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án căn cứ kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn, hoàn chỉnh hồ sơ dự án gửi cơ quan được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

- Trường hợp điều chỉnh dự án vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã phê duyệt: Trên cơ sở ý kiến đồng ý của cấp quyết định đầu tư dự án, chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định lại, trên cơ sở kết quả thẩm định chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án trình cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, làm cơ sở để triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, giá thiết bị

1. Đối với các dự án có cấu phần xây dựng

a) Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 6 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) các công trình cấp II trở xuống.

Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước.

b) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 6 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) các công trình cấp II, cấp III. Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có); tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại và công trình lưới điện trung áp.

Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán và trình người quyết định đầu tư phê duyệt các dự án do thành phố quản lý; Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định về nội dung thiết kế, dự toán thuộc chuyên ngành của mình để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

3. Đối với các dự án quy mô nhỏ có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng chỉ áp dụng thiết kế 1 bước thì thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được trình thẩm định, phê duyệt cùng với trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy định này.

4. Về giá thiết bị trong dự án đầu tư

a) Chủ đầu tư, ban quản lý dự án có trách nhiệm lấy ý kiến thông tin về giá đối với thiết bị là tài sản cố định hữu hình (theo quy định của Bộ Tài chính) tại thời điểm tính toán để mua sắm cho công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước (nội dung văn bản đề nghị bao gồm: danh mục, chủng loại, số lượng, đơn giá đề nghị) trong các trường hợp:

Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố (hoặc cơ quan, đơn vị thuộc thành phố theo phân cấp): Sở Tài chính có ý kiến thông tin về giá tại thời điểm tính toán trong trường hợp thiết bị có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị (hoặc 01 loại thiết bị) sau khi có kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá.

Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của UBND quận, huyện (hoặc cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện theo phân cấp): Phòng Tài chính - Kế hoạch có ý kiến thông tin về giá tại thời điểm tính toán trong trường hợp thiết bị có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị (hoặc 01 loại thiết bị) sau khi có kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá.

Đối với các ứng dụng công nghệ thông tin thuộc phạm vi về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009: Sở Thông tin và Truyền thông có ý kiến về giá trong trường hợp giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị (hoặc 01 loại ứng dụng).

b) Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trong việc tham khảo, lựa chọn mức giá phù hợp để tổng hợp lập hồ sơ dự toán, trình Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành xem xét, thẩm định. Nội dung ý kiến về giá của các cơ quan có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành văn bản.

c) Đối với các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện,... được tính vào chi phí trực

tiếp trong dự toán xây dựng, thiết bị cần sản xuất, gia công theo quy định của Bộ Xây dựng hoặc đã có định mức, đơn giá xây dựng, lắp đặt, chuyên ngành; thiết bị không phải là tài sản cố định hữu hình theo quy định của Bộ Tài chính; thiết bị đã được lắp đặt vào công trình;... thì chủ đầu tư căn cứ các tài liệu liên quan (Thông báo giá của Sở Xây dựng tại thời điểm tính toán; báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất; hợp đồng sản xuất, gia công; hóa đơn, chứng từ hợp lệ;...) để quyết định về giá và chịu trách nhiệm đối với khoản mục thuộc chi phí đầu xây dựng này theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Công tác thẩm định, phê duyệt dự toán đo vẽ bản đồ hiện trạng sử dụng đất các dự án:

Đối với hồ sơ dự toán đo đạc và bản đồ thuộc các dự án do UBND thành phố quyết định đầu tư: Giao Sở Tài nguyên và Môi trương chủ trì thực hiện việc thẩm định và phê duyệt đối với dự toán có giá trị phê duyệt đến 500 triệu đồng; thẩm định, trực tiếp trình UBND thành phố phê duyệt đối với dự toán có giá trị phê duyệt trên 500 triệu đồng.

Đối với các hồ sơ dự toán đo đạc và bản đồ thuộc dự án do các cơ quan, đơn vị khác đề nghị thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định đến cơ quan, đơn vị đề nghị thẩm định.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình xây dựng

1. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, trường hợp phát sinh các yếu tố dẫn đến việc điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình xây dựng, chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 6 Quy định này (cơ quan đã chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán) để kiểm tra, kiến nghị xử lý, gửi người quyết định đầu tư có ý kiến thống nhất, làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nội dung điều chỉnh thiết kế và dự toán phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Điều 9 Quy định này thẩm định, phê duyệt.

Điều 11. Quy định về công tác đấu thầu

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, danh sách xếp hạng nhà thầu thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản hướng dẫn pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao thẩm định không đủ năng lực thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, thống nhất việc lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức giám sát theo dõi, hoạt động đấu

thầu, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đấu thầu đối với các dự án do thành phố quyết định đầu tư hoặc quản lý theo nội dung quy định tại Điều 125 và Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Điều 2 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 12. Điều chỉnh hợp đồng, hợp đồng xây dựng

Việc điều chỉnh hợp đồng, hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định, các văn bản, quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng, hợp đồng xây dựng; đảm bảo tuân thủ quy định, kịp thời đáp ứng tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án.

Điều 13. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

1. Chủ đầu tư hoặc cơ quan điều hành dự án (trường hợp được chủ đầu tư ủy quyền) lập hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của thành phố về tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư.

2. Mức tạm ứng vốn:

a) Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

- Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng là 20% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng là 15% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng là 10% giá trị Hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EC, EP, PC, EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: Mức vốn tạm ứng là 10% giá trị hợp đồng.

c) Đối với hợp đồng tư vấn:

- Hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng là 15% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng là 20% giá trị hợp đồng.

d) Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn để đẩy nhanh tiến độ phải được người quyết định đầu tư cho phép.

đ) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện theo Điểm c Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

e) Đối với chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo Điểm d Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

g) Mức vốn tạm ứng cho tất cả các khoản quy định từ Điểm a đến Điểm e nêu trên không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho dự án.

3. Bảo lãnh tạm ứng vốn: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thu hồi tạm ứng:

- Đối với các hợp đồng tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này: Mức thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và quy định cụ thể trong hợp đồng, đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo Khoản 5 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 và Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành

- Thanh toán 100% khối lượng xây lắp hoàn thành đảm bảo chất lượng được nghiệm thu trong từng đợt (sau khi đã giảm trừ thu hồi tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng) và thanh toán đến 90% (đối với công trình có mức bảo hành 5%); thanh toán đến 92% (đối với công trình có mức bảo hành 3%) giá trị khối lượng hoàn thành lũy kế đối với đợt thanh toán cuối cùng của dự án, công trình.

- Trong quá trình thực hiện quyết toán và bảo hành công trình, trường hợp công việc nào hoàn thành trước sẽ được thanh toán số vốn còn lại của công việc đã hoàn thành đó.

- Tổng số vốn thanh toán cho các dự án, công trình không vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành).

6. Hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

7. Thực hiện lựa chọn nhà thầu kiểm toán để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn trước khi trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các gói thầu giá trị từ 45 tỷ đồng trở lên, không thực hiện kiểm toán đối với chi phí đền bù giải tỏa và các gói thầu thiết bị thuộc các công trình trên địa bàn thành phố. Đối với các gói thầu có giá trị nhỏ hơn 45 tỷ đồng nhưng có tính chất phức tạp, cần thiết phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất UBND thành phố xem xét thống nhất cho từng trường hợp cụ thể trước khi triển khai thực hiện.

8. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Giám đốc Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án trọng điểm nhóm C và nhóm C (trừ các trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này); thẩm tra trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quyết toán vốn các dự án nhóm A, B.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND quận, huyện và các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách quận, huyện.

c) Người đứng đầu cơ quan trực thuộc UBND thành phố tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do mình và các đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

9. Đối với các dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong năm:

Việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư cho từng dự án, các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án phải xác định số vốn đã thanh toán đến thời điểm điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch hằng năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo kế hoạch vốn của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán.

10. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng tháng, các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư của các dự án gửi UBND, cơ quan tài chính cùng cấp (chi tiết theo từng danh mục công trình và nguồn vốn đầu tư) trước ngày 05 hàng tháng và thực hiện báo cáo đột xuất số liệu cho Sở Tài chính để tham mưu cho UBND thành phố trong điều hành ngân sách.

Điều 14. Quy định thời gian thực hiện các thủ tục hành chính hồ sơ xây dựng cơ bản:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm A, dự án nhóm B và C (vốn ngân sách trung ương)	Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ đầu tư, rà soát có văn bản trình UBND thành phố duyệt ký gửi Bộ ngành Trung ương liên quan thẩm định *(Trừ dự án nhóm A)*.
2	Thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm B, C vốn ngân sách thành phố; vốn hỗn hợp (ngân sách thành phố và ngân sách quận, huyện).	Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: Nhóm B, C: 22 ngày *(bao gồm thời gian lấy ý kiến của Sở Tài chính 04 ngày)*. Trường hợp dự án cần kiểm tra thực tế thì thời gian kéo dài thêm 03 ngày.

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
3	Thời gian các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án trình phê duyệt chủ trương đầu tư	Thời gian tại các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án: 02 ngày.
4	Phê duyệt chủ trương đầu tư	- Dự án nhóm B và C trọng điểm: Thời gian tại UBND thành phố 17 ngày trước khi trình Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND thành phố; - Dự án nhóm C còn lại: Thời gian tại UBND thành phố 12 ngày.
5	Thẩm định dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở và lấy ý kiến các đơn vị liên quan)	- Đối với dự án nhóm A: thời gian thực hiện theo quy định các văn bản pháp quy. - Đối với dự án nhóm B, C: Thời gian thẩm định tại Sở chuyên ngành theo quy định tại văn bản pháp quy. - Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Thời gian thẩm định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư 08 ngày.
6	Phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ trở lên)	Thời gian tại UBND thành phố: - Nhóm A: 10 ngày; - Nhóm B, C: 07 ngày.
7	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng	Thời gian tại cơ quan quyết định đầu tư theo phân cấp 08 ngày.
8	Thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước)	Thời gian thẩm định như sau: - Trường hợp Thuê đơn vị tư vấn thẩm tra, thời gian thẩm định: + Cấp II, III: 15 ngày; + Các công trình còn lại: 10 ngày. - Trường hợp tự thẩm định: Giữ nguyên thời gian thẩm định theo quy định.
9	Phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước)	Thời gian tại UBND thành phố 07 ngày.
10	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thời gian thẩm định 12 ngày.
11	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thời gian tại cơ quan quyết định đầu tư 05 ngày

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
12	Thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các công trình do UBND thành phố làm chủ đầu tư): 12 ngày. - Thời gian thẩm định đối với các dự án do các sở ngành, Ban QLDA, UBND quận, huyện làm chủ đầu tư: 09 ngày.
13	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Thời gian tại UBND thành phố (đối với các công trình do UBND thành phố làm chủ đầu tư): 08 ngày. - Thời gian phê duyệt đối với các dự án do các sở ngành, Ban QLDA, UBND quận, huyện làm chủ đầu tư: 05 ngày.
14	Thẩm định kết quả chọn lựa nhà thầu	* Gói thầu quy mô nhỏ: - Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 09 ngày; - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện: 07 ngày. * Các gói thầu còn lại: - Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 12 ngày; - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện: 09 ngày.
15	Phê duyệt kết quả chọn lựa nhà thầu	* Gói thầu quy mô nhỏ: - Thời gian tại UBND thành phố (đối với các công trình UBND TP làm chủ đầu tư): 05 ngày; - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện: 05 ngày. * Các gói thầu còn lại: - Thời gian tại UBND thành phố (đối với các công trình do UBND TP làm chủ đầu tư): 09 ngày; - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện: 07 ngày.
16	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch Tổng mặt bằng xây dựng	- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: 20 ngày; - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 10 ngày.
17	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật	Thời gian thẩm định, phê duyệt tại Sở Xây dựng: 20 ngày.
18	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành	
18.1	*Nhóm 1: Đối với công trình, hạng mục công trình có giá trị quyết toán dưới 01 tỷ đồng:*	

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
a)	Công trình, hạng mục công trình nhóm A, B	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 32 ngày; - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 07 ngày.
b)	Công trình, hạng mục công trình nhóm C	- Thời gian thẩm tra, phê duyệt tại Sở Tài chính: 24 ngày.
18.2	*Nhóm 2: Đối với công trình, hạng mục công trình có giá trị quyết toán từ 01 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng:*	
a)	Công trình, hạng mục công trình nhóm A, B	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 42 ngày; - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 06 ngày.
b)	Công trình, hạng mục công trình nhóm C	- Thời gian thẩm tra, phê duyệt tại Sở Tài chính: 24 ngày.
18.3	*Nhóm 3: Đối với công trình, hạng mục công trình có giá trị quyết toán trên 20 tỷ đồng:*	
a)	Công trình, hạng mục công trình nhóm A.	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 55 ngày; - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 07 ngày.
b)	Công trình, hạng mục công trình nhóm B.	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 40 ngày; - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 06 ngày.
c)	Công trình, hạng mục công trình nhóm C	- Thời gian thẩm tra, phê duyệt tại Sở Tài chính: 22 ngày.
19	Lấy ý kiến thông tin về giá đối với thiết bị để mua sắm cho công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước	- Thời gian xử lý hồ sơ tại Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, phòng Tài chính - Kế hoạch: 16 ngày.

Giao các Sở chuyên ngành, UBND các quận, huyện, các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án:

Tổ chức, triển khai thực hiện các thủ tục theo đúng tiến độ quy định và tiếp nhận xử lý theo quy trình 1 cửa. Đây là thời gian tối đa để các đơn vị thực hiện; khuyến khích các đơn vị rút ngắn thêm thời gian đối với các dự án có thể thực hiện rút ngắn.

Các cơ quan thẩm tra, thẩm định khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục phải tập trung kiểm tra, rà soát và hướng dẫn (nếu có) cho các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án để hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ một lần; tránh trường hợp trả, bổ sung nhiều lần làm kéo dài thời gian công việc.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy định xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư công đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hoặc đã được phê duyệt dự án trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại; các công việc tiếp theo bao gồm thẩm quyền về thẩm định, phê duyệt được thực hiện theo Quy định này.

2. Các dự án đầu tư công chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hoặc chưa được phê duyệt dự án thì thực hiện theo Quy định tại Quyết định này.

3. Các nội dung khác về quản lý đầu tư và xây dựng không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc thì các tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố xử lý theo quy định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Thơ